

CULTURAL SOUNDS:
THE SPIRIT OF
VIETNAM



QUAN HỌ BẮC NINH
IN THE NORTH VIETNAM

QUAN HỌ BẮC NINH, VIỆT NAM

Published by
Vietnamese Institute for Musicology

In Collaboration with
International Information and Networking Centre for
Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region
under the Auspices of UNESCO (ICHCAP)

Supported by
Cultural Heritage Administration of Korea

Design by
Design Nanum

© 2015 VIM
© 2015 ICHCAP

Quan họ là thể loại hát đối đáp nam nữ đặc sắc, chỉ có ở vùng Kinh Bắc xưa - một trong những vùng đất có truyền thống văn hóa lâu đời ở miền Bắc Việt Nam. Quan họ cổ truyền trước đây là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian của người dân ở 49 làng xứ Kinh Bắc, nay thuộc địa phận hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

Hát Quan họ gắn với tục kết nghĩa, kết chạ cổ xưa. Các cuộc hát Quan họ thường được tổ chức giữa hai nhóm Quan họ (được gọi là bọn Quan họ) thuộc hai làng khác nhau kết bạn với nhau. Hàng năm, cứ vào dịp lễ tết, hội làng, các dịp vui, rảnh rỗi như lịch đã hẹn trước, các bọn Quan họ lại tổ chức hát Quan họ như một thú chơi, thỏa mãn nhu cầu giao lưu nghệ thuật của chính mình. Họ đất diu sang chơi với nhau, cùng nhau hát thâu đêm, suốt sáng. Mỗi quan hệ kết nghĩa giữa các bọn Quan họ được nối tiếp truyền từ đời này sang đời khác, như những người bạn tri kỷ nghệ thuật, nên không bao giờ được lấy nhau. Do đó, Quan họ là một trong số ít thể loại hát đối đáp nam nữ có nội dung đậm chất trữ tình, giao duyên, nhưng lại không mang chức năng giao duyên của đời thường như nhiều loại dân ca giao duyên khác.

Tuy nhiên, hát Quan họ không chỉ được tổ chức giữa các bọn Quan họ kết nghĩa mà trong các dịp hát vui, hát hội, các bọn Quan họ của mọi nơi đều có thể tham gia hát với nhau. Địa điểm hát Quan họ cũng rất đa dạng: những ngày bình thường, họ thường hát với nhau ở trong nhà vào buổi tối; nhưng đến ngày hội, họ cùng nhau hát ở cửa đình, ở trên đồi, ven rừng, dọc đường cái, bên bờ ao, trên thuyền.

Trong sinh hoạt hát Quan họ, bên nam được gọi là liền anh, bên nữ gọi là liền chị. Phương thức hát Quan họ cổ truyền chủ yếu là hát đối, không có nhạc đệm. Trong cuộc hát, từng đôi nam hát đối đáp với từng đôi nữ. Hai người trong cặp đôi khi hát sẽ có một người dẫn giọng giữ vai trò chủ động, một người luôn giọng đỡ giọng cho người hát dẫn. Giọng hai người phải được chọn lọc và luyện tập cho phù hợp với nhau để nghe như một. Ngoài hát đối, còn có phương thức hát nhóm, được thấy trong các phần hát chúc mừng, hát thờ: cả nhóm liền anh hát đối đáp với cả nhóm liền chị. Bốn yếu tố kỹ thuật đặc trưng của hát Quan họ là vang, rền, nền, nảy.

Yêu cầu hát đối trong Quan họ là đối giọng, đối lời. Hai bên hát đối nhau bằng những bài Quan họ cùng âm điệu nhưng khác

lời ca, thậm chí ngay cả các lời ca cũng được quan tâm đến cả yếu tố đối lời, đối ý.

Hát Quan họ được tổ chức theo ba hình thức: hát canh, hát thi lấy giải và hát hội. Trong đó các cuộc hát thi bao giờ cũng quy định một trình tự hát với đầy đủ các loại giọng của Quan họ, đó là: giọng Lê lối (hay giọng Cỏ), giọng Vật (hay giọng Vụn) và giọng Giã bạn. Giọng Lê lối bao gồm một số điệu hát (các nghệ nhân gọi là “câu” hay “giọng”) cổ với kỹ thuật khó như Hừ la, La rằng, Đường bạn, Tinh tang, Cái hời cái à... Giọng Vật là loại giọng có số lượng bài bản nhiều nhất với nội dung phong phú, trong đó có cả các loại điệu được du nhập từ các thể loại âm nhạc khác như Châu văn, Chèo, Tuồng, Ca Huế, dân ca Nam Trung bộ... Giọng Giã bạn gồm các bài hát mang nội dung chia tay, từ giã.

Trang phục trong hát Quan họ cổ truyền cũng được yêu cầu phải đẹp. Khi đi hát, các liền anh mặc áo lụa the, quần trắng ống rộng, đội khăn xếp, tay cầm ô lục soạn; các liền chị mặc áo dài năm thân mở ba mớ bảy (mặc lồng ba hoặc bảy lớp áo dài, các lớp áo trong màu sắc sỡ, lớp áo ngoài cùng thường có màu nâu già, nâu non, cánh gián), yếm đào, thắt lưng hoa đào hoa lý,

váy the đen, chít khăn mỏ quạ, đội nón quai thao, chân đi dép cong, đeo khuyên vàng, xà tích bạc.

Hát Quan họ cổ truyền với những nét đặc sắc trong lối chơi, lối sinh hoạt, bài bản, lời ca đã phản ánh nét văn hoá ứng xử tinh tế, tao nhã của người Quan họ.

Ngày nay, Quan họ không còn chỉ hiện hữu như là một lối chơi, một sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của người dân nữa. Bên cạnh Quan họ cổ truyền, có thêm dạng Quan họ khác (tạm gọi là Quan họ mới) biểu diễn hát trên sân khấu, có nhạc đệm. Phạm vi thực hành Quan họ cũng được mở rộng, không còn chỉ ở 49 làng xứ Kinh Bắc nữa, mà phổ cập rộng rãi hơn ra nhiều địa phương trong cả nước.

Năm 2009, Quan họ Bắc Ninh của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. CD Quan họ Bắc Ninh, Việt Nam xin trân trọng giới thiệu một số bài bản Quan họ cổ truyền do các nghệ nhân, nghệ sĩ Quan họ hát theo lối cổ truyền, được thu thanh vào năm 1996 với phần lời ca của chúng.

1. Mời nước

Trình diễn: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Văn Bản
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Đôi tay nâng lấy chén trà
Trước mời quý khách sau mời đôi bên
Chúng tôi là con trai Bắc Ninh
Chè mạn hào có hương có vị
Lịch trăm chiều trăm vẻ càng xinh
Chị Hai ơi, chị Ba ơi,
Chén chè ngon thết đãi bạn hiền
Bạn hiền là bạn hiền ơi,
Mời người ngồi chơi xơi nước để tôi bằng lòng
Chén chè ngon thết đãi khách má hồng
Má hồng là má hồng ơi,
Có cho tôi ngó to lòng được chẳng
Chị Tư ơi, chị Năm ơi,
Ai ơi, đồng người chẳng tiện nói năng

2. Mời trâu

Trình diễn: Nguyễn Thị Sang, Nguyễn Thị Thêm
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Tay nâng cái cối đựng giã
Cái mắt em nhìn em liếc em trông
Giã tằm cánh phượng dâng lên mời người
Ai ơi nay có trâu
Người ơi có nhớ đến chúng em chăng

3. Đôi bên bác mẹ cùng già

Trình diễn: Lê Căn, Xuân Trường
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Đôi bên bác mẹ cùng già
Xin người định liệu song tình cây trồng
Chị Hai ơi,
Chị như hoa nở sân rồng
Tôi như cánh bích cảnh quỳnh nở hoa
Chị Ba ơi,
Chị như con một nhà quan
Tôi như trâu nghé lạc đàn bơ vơ
Chị Tư ơi,
Chị như tấm vóc lụa đào
Tôi như kim tuyến thêu vào mà nên

4. Anh Hai yêu điệu điệu dang

Trình diễn: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Anh Hai yêu điệu điệu dang
Năm ngón tay thấp bút một bộ nhãn vàng
Anh Hai đứng ở đường xa
Đôi em trông thấy em chào cho mau
Anh Ba ơi,
Anh Ba hay nói hay xui
Hay liếc con mắt cũng hay ưa nhìn
Anh Tư ơi,
Anh Tư lắm tấm rở hoa

Rõ ba bốn nốt thật là rõ xinh
Anh Năm ơi,
Anh Năm trao nón cho em

5. Thuyền thúng

Trình diễn: Lê Cẩm, Xuân Trường
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Thuyền thúng là thuyền thúng ơi,
Có ai về Đặng Xá cho tôi về nhờ
Tay tôi chèo thuyền sang bãi Dương Khê
Thuyền nan chấp cánh gió đưa về ngàn
Tay tôi chèo thuyền bắt con cá lừng
Cá khôn cá lượn về nguồn
Tay tôi chèo thuyền chờ khách đi buôn

6. Ngồi tựa mạn thuyền

Trình diễn: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Đôi em ngồi tựa mạn thuyền
Nửa buồn nửa bán nửa đường chờ ai
Đôi em cách nhệ bông dãi
Đôi em chui mài gánh bó đã lâu
Quýt ngọt có ở đồng mười
Đồng ba đồng bốn nhân ngồi trơ trơ
Đôi em gánh nặng có quan họ chờ
Qua sông nhắc đỡ bao giờ dám quên

7. Ông tơ hồng

Trình diễn: Nguyễn Công Dừa, Nguyễn Công Lụt
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Hỡi ông tơ hồng ơi,
Nản lòng ông tơ bà nguyệt
Se bốn chúng tôi vào kéo nửa đọi chờ
Từ lâu lòng vẫn riêng sầu
Đêm năm canh ngày sáu khắc
Chờ đến bao giờ có chắc hay không
Không lại hoàn không tôi biết đến ai
Biết ai là vợ là chồng
Cùng ai tơ tình tương trúc mơ mai
Gan vàng dạ sắt khăng khăng
Có yêu xin quyết cho xong
Xin đừng thời như ai

8. Giăng già

Trình diễn: Minh Phúc, Lê Ngải
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Núi bao nhiêu tuổi mới là núi non
Sương mai tỉnh cuộc vương tròn
Phải dò cho đến ngọn nguồn đáy sông
Đêm qua tựa gối loan phòng
Đêm xuân ai rét cảm lòng cho đang
Đương đêm dờ thức mơ màng
Chiêm bao phảng phất tơ tình năm canh

Năm canh tương đến nhân tình
Tình ra mới biết chiêm bao
Nhác trông theo chẳng thấy đầu nào
Tình tình nhớ mãi người ơi.

9. Lòng vẫn đợi chờ

Trình diễn: Lê Ngải, Minh Phúc
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Lòng vẫn đợi chờ
Em không giăng gió hững hờ gió giăng
Anh Hai ơi,
Còn có liệu đường thấp thoáng bóng giăng
Ông tơ bà nguyệt se nhảm duyên ai
Anh Ba ơi,
Tâm sự này biết ngỏ cùng ai
Sao Hôm mới mọc sao Mai lại mờ
Bấy lâu lòng vẫn đợi chờ
Này anh Tư đã có chốn
Để chúng em đợi chờ luống công
Anh Năm ơi,
Có chung tình đã hẹn từ xưa
Vi không duyên nợ xin đừng tương gió trông mây

10. Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người

Trình diễn: Lê Cẩm, Xuân Trường
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người
Nhớ nơi ngồi quan họ nhớ người nét na
Nhớ nhời tha thiết thiết tha
Ngọt ngào đầu lưỡi mặn mà bên tai
Ai ơi vắng nhời người ra
Sợ sau mang tiếng để đời
Không vắng thì nề lòng người xiết bao
Ai ơi cũng tại tự tôi
Chả dám tiếc công lĩnh nào
Còn e lòng khách đông đảo sớm chạng
Ai ơi, nhện vàng thấp thoáng bóng giăng
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này
Cõi giới Nam đầu cũng là nước non này.

11. Nguyệt gác mái đình

Trình diễn: Lê Ngải, Minh Phúc
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Nguyệt gác mái đình
Chén son chưa cạn sao tình đã say
Anh Hai ơi,
Lần khuất bóng mây
Mặt sao thấy mặt dạ này mới yên
Anh Ba ơi,
Đành rằng đánh tiếng bên thềm

Chốt say nhớ lấm phải tìm đến nhau
Anh Tư ơi,
Trắng nước một màu
Gọi sao cho tinh giắc sủu chiêm bao
Anh Năm ơi,
Đông liễu tây đào tinh tang

12. Năm cung năm giọng

Trình diễn: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Ăn uống ngồi gốc cây sung
Lặng nghe em kể năm cung em rành
Vây có câu thơ rằng,
Nhắc trông lên địch có chữ đề thư
Khen cho đôi người khéo nói khéo liệu
Mới để ngựa Hồ chim Việt đôi nơi
Tinh bằng đôi ngà gặp người
Ngon đèn tàn thấp thoáng bóng giăng
Rồng vàng bề cạ con cá giương vây
Những người quân tài nấu hình
Sao chả thương tình Bắc Nam ơi
Em gánh vó đi một mình sao nên
Thư vào giấy dó đưa nên
Em nhớ người quên sao đành
Giận chả nên giận, xa chả nên xa
Bởi khách cầm chừng mãi biết bao giờ

13. Đôi quang đòn gánh

Trình diễn: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1996

Đôi quang đòn gánh em lỏng đi buồn
Đi lên tỉnh Thái buồn chề
Chè ngon được nước xuôi về Bắc Ninh
Chè ngon được nước ấm bên được lâu
Anh đi buồn ấm ngồi kể một bên.

QUAN HỌ BẮC NINH IN THE NORTH VIETNAM

Quan họ, a special alternate singing between men and women, was once only available in Kinh Bắc region in northern Vietnam. Traditional Quan họ was previously the folk art of forty-nine villages in Kinh Bắc, which is presently Bắc Ninh and Bắc Giang provinces.

Quan họ singing has been associated with twining occasions in the past. Quan họ is often sung between two groups, called bọn Quan họ, who are living in two different villages and wanting to strike up friendship with each other. During annual festivals or their free time, the Quan họ people sing to satisfy their demand for exchanging art. They sing throughout the day and night. The twining relationship between the Quan họ performers as artistic and intimate friends has continued from forefathers to descendants; thus, they are never allowed to marry each other. Quan họ is one of the few musical forms that has alternate singing between men and women and lyrical love-exchange lyrics but has no the function of love-exchange in daily life as other love-exchange folksongs.

Nevertheless, Quan họ is sung not only by twinning Quan họ people but also by others from other places. People can sing

Quan họ at many locations; for example, they can perform it at houses at night on normal days, at temples on festivals, on hills, in the forest, along the street, at ponds, or on boat.

In Quan họ singing, the male group is called liền anh, and the female group is called liền chị. Traditional Quan họ is pair singing without accompaniment. One of the pair is in charge of singing, leading the tune while the other sings as a secondary part. These two people have to be selected and trained to be in perfect harmony at the same timbre. In addition to pair singing, there is group singing, which is performed on congratulatory and worshipping occasions. The male group sings in response to the female one. Four typical singing techniques of Quan họ are resonant, ringing, restrained, and staccato.

Antiphony singing in Quan họ is required to include counter-voice and counter-meaning lyrics. The two sides reply to each other with same melodies but different lyrics. The corresponding words and meanings are also concerned in lyrics.

Quan họ singing includes three main types: hát canh (the singing at a host's house), hát thi lấy giải (the singing for competition),

and hát hội (the singing at festivals). As regulated, all kinds of Quan họ singing for competition are performed in order—giọng Lê lối (or giọng Cổ), giọng Vật (or giọng Vụn), and giọng Giã bạn. Giọng Lê lối (standard tune) consists of some ancient melodies called ancient “câu” or “giọng,” in which the difficult techniques such as Hừ la, La rắng, Đường bạn, Tinh tang, or Cái hời cái à are performed. Giọng Vật (variety tune) consists of the most songs. Some melodies of these songs originate from other musical types, such as Châu vãn, Chèo, Tuồng, Ca Huế, or folk songs in the Central South. Giọng Giã bạn (farewell tune) includes songs with lyrics of farewell.

The costumes in traditional Quan họ singing must be beautiful. The male side wears silk Vietnamese long dresses, wide white trousers, and turbans, and their hands hold umbrellas. The women side wears Vietnamese long dresses (They wear many dresses with different colors. These dresses are colorful. The outside dress is often bright or dark brown.), yếm đào (a Vietnamese brassiere), bells with the patterns of đào or lý blossoms, black skirts, khăn mỏ quạ (kerchiefs), nón quai thao (flat palm hat with fringes), dép cong (sandals), gold earnings, and silver xà tích (silver chain, which is worn on the waist).

The special characteristics in performance styles, lyrics, and repertoires of traditional Quan họ singing reflect fine and elegant cultural behaviors of Quan họ people.

At present, Quan họ is no longer a cultural entertainment activity. In addition to traditional Quan họ, a new Quan họ style has appeared and is performed on stage with accompaniment. Furthermore, instead of being performed only at forty-nine villages of the Kinh Bắc region, Quan họ has spread in many other regions.

In 2009, Quan họ Bắc Ninh of Vietnamese was recognized as an intangible cultural heritage of humanity by UNESCO.

The CD Quan họ Bắc Ninh in the Northern Vietnam introduces some traditional Quan họ songs with their lyrics, which were sung in a traditional way, audio-recorded in 1996.

1. Mời nước (Treating a cup of tea)

Performers: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Văn Bản
Time of audio-recording: 1996

Vietnamese house owners treat guests to the cups of tea. A good cup of tea expresses the feeling and hospitality of house owners.

2. Mời trà (Treating betel leaves and areca nuts)

Performers: Nguyễn Thị Sang, Nguyễn Thị Thềm
Time of audio-recording: 1996

Song “Mời trà” is performed as a response to “Mời nước”. A quid of betel and areca nut express a woman’s hope that her man can understand how much she misses him.

3. Đôi bên bác mẹ cùng già (Two mothers become old)

Performers: Lê Cẩn, Xuân Trường
Time of audio-recording: 1996

The men Anh Hai Quan họ desire to marry their women early so that they can take care of their old parents together.

4. Anh Hai yêu điệu dịu dàng (Mr. Hai graceful and tender)

Performers: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Time of audio-recording: 1996

In love, whatever bad habits a boyfriend has, he is always lovely and handsome in his girlfriend’s eyes

5. Thuyền thúng (The basket boat)

Performers: Lê Cẩn, Xuân Trường
Time of audio-recording: 1996

The song borrows the image of a basket boat to express the wish of getting married and living together of a couple.

6. Ngồi tựa mạn thuyền (Sitting against the boat side)

Performers: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Time of audio-recording: 1996

However hard the life is, a Quan họ woman always tries to overcome difficulties and is always faithful to her lover.

**7.
Ông tơ hồng
(Matchmaker)**

Performers: Nguyễn Công Dứa, Nguyễn Công Lụt
Time of audio-recording: 1996

The Matchmaker God makes a match for two people waiting to marry.

**8.
Giăng già
(Old moon)**

Performers: Minh Phúc, Lê Ngải
Time of audio-recording: 1996

Borrowing the image of “old moon” expresses a woman’s evening melancholy.

**9.
Lòng vẫn đợi chờ
(Still waiting)**

Performers: Lê Ngải, Minh Phúc
Time of audio-recording: 1996

Expressing a woman’s faithfulness and a couple’s melancholy when they cannot marry each other.

**10.
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người
(Dazed with the feeling of missing a person
and scenery)**

Performers: Lê Căn, Xuân Trường
Time of audio-recording: 1996

Scenery description is used to demonstrate a man missing his lover. Wherever he goes, he always misses her.

**11.
Nguyệt gác mái đình
(The moon lightens the community house)**

Performers: Lê Ngải, Minh Phúc
Time of audio-recording: 1996

Expressing lovesickness and the wish of living together.

**12.
Năm cung năm giọng
(Five tunes, five melodies)**

Performers: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Time of audio-recording: 1996

Missing one’s lover and wishing that they can marry each other.

**13.
Đôi quang đòn gánh
(Yoke)**

Performers: Nguyễn Thị Đại, Nguyễn Thị Sáu
Time of audio-recording: 1996

The image of a pair of yokes and baskets of a woman is used to express the wish of being a married couple.

베트남 북부지역 박닌의 관호

관호(Quan ho)는 지난날 베트남 북부지역에서 역사가 오래된 성 가운데 하나인 킨 박(Kinh Bắc) 지역에서만 연행된 남녀 사이의 돌림노래다. 전통 형태의 관호는 오늘날의 박닌(Bác Ninh) 성과 박장(Bác Giang) 성인 킨 박 지역 49개 마을에서 연행되던 민속예술이다.

관호 노래는 지난날 친선 교류와 관련돼 있다. 관호는 대개 각 마을의 본 관호(bon Quan ho)라고 불리는 다른 종족의 사람들이 서로 우정을 맺고자 부르는 노래다. 연례 축제, 자유 시간, 새해 축제 등의 경우 관호 연행자들은 예술 교류에 대한 필요성을 충족하기 위해 관호를 연행했다. 이들은 밤낮을 쉬지 않고 노래를 불렀다. 막역한 예술가 동지로서의 관호 연행자들 간 우정은 조상 때부터 지속돼 후손에게까지 이어졌으며, 이 때문에 이들은 절대로 서로 결혼할 수가 없다. 관호는 사랑을 노래하는 다른 민속노래와 달리 남녀 사이의 돌림노래로, 사랑의 교환을 노래하는 서정 짙은 가사이면서 일상생활에서는 사랑을 교환하는 수단으로 사용되지 않는다.

그럼에도 관호는 서로 관계가 있는 관호 연행자뿐만 아니라 다른 지역의 사람들에 의해서도 연행된다. 관호는 여러 상황에서 부를 수 있는데 예를 들면 평상시의 밤에 집

이나 축제 때 사원, 언덕, 숲 속, 길거리, 호수, 배 위 등지에서 연행할 수 있다.

관호 노래에서 남자 그룹은 리엔 아인(liên anh), 여자 그룹은 리엔 찌(liên chị)로 각각 불린다. 전통의 관호에서는 두 그룹이 반주 없이 노래를 부른다. 노래는 남자 한 쌍과 여자 한 쌍이 돌아가면서 이어 부른다. 이들 남녀 짝 가운데 한 명은 주 음률을 부르고 나머지 한 명은 화음을 받치는 역할을 맡는다. 짝을 이루는 두 사람은 완벽한 조화를 이루기 위해 동일한 음색을 내는 연습을 한다. 짝을 이뤄 노래를 부르는 것 이외에 축하나 승배의식에서 공연하는 단체 가창이 있다. 남성 단체 가창단은 여성 단체 가창단에 응답하며 노래를 한다. 관호의 가장 기본 기술은 공명, 울리기, 질세, 스타카토 등 4가지다.

양쪽이 서로 주고받으면서 부르는 관호 노래는 상대방과 맞받아치는 가사가 필요하다. 양쪽은 서로에게 응답하면서 노래하는데 멜로디는 같지만 가사는 다르다. 서로 대구를 이루는 단어와 의미는 또한 가사와 관련된다.

관호 노래 부르기에는 핫 까인(hát canh; 주최자의 집에서 노래하기), 핫 티 라이 자이(hát thi lay gái; 노래 부르기 시합), 핫

호이(hát hò, 축제에서 노래하기) 등 세 가지 형태가 있다.

시합을 위한 관호 노래 부르기는 모두 종 레 로이(giọng Lê loi) 또는 종 꼬(giọng Cỏ), 종 밧(giọng Vất) 또는 종 붓(giọng Vút), 종 자 반(giọng Già bán) 등을 포함해 규정에 따라 순서대로 진행된다. 종 레 로이(기본 음률)는 호 라(Hư la), 라 랑(La rãng), 드엉 반(Đường bán) 띠 땅(Tình tang), 까이 히이 까이 아(Cái hời cái à) 등과 같은 어려운 기술로 연행되는 이른바 까우(cầu) 또는 종(giọng)이라는 고대 멜로디로 구성돼 있다. 종 밧(변화가 많은 음률)은 많은 노래로 이뤄져 있다. 이러한 노래의 멜로디는 찌우 반(Châu vân), 쉐오(Chèo), 투옹(Tuồng), 까 후에(Ca Huế), 중부지역의 민속노래 등과 같은 다른 음악에서 유래했다. 종 자 반(작별의 음률)은 작별 인사를 알리는 노래를 포함한다.

관호 연행에서 전통 의상은 아름다운 것만 사용한다. 남자는 킨 베트남 명주 드레스와 넓은 하얀 바지 복장에다 티벳을 쓰고 손에는 우산을 든다. 여자는 킨 베트남 명주 드레스(여성은 다양한 색깔의 드레스를 많이 입는데 맨 곁에 입는 드레스는 대개 밝은 색이거나 검은 갈색이다)와 옐 다오(yếm đào, 베트남 조끼) 및 겹정 치마 복장에 다는 파이 타오(nón quai thao; 납작한 야자나무 잎 모자)를 쓰고, 쩌꿍(chép)을

cong; 샌들)를 신고, 다오(dào) 또는 리(ly) 꽃송이 무늬가 있는 종을 달고, 칸 모 짜(khăn mớ qua; 손수건)와 금 귀걸이 및 싸(xà tích; 은팔찌) 등으로 장식한다.

전통 관호 노래 부르기의 연행 형태, 가사, 레퍼토리 등의 특징을 보면 관호 사람들의 정교하고 우아한 문화 양식을 알 수 있다.

현재 관호는 더 이상 여흥 문화로서의 활동을 하지 않는다. 전통 관호에 더해 무대에서 반주와 더불어 연행되는 새로운 관호가 등장했다. 또한 관호는 과거처럼 킨 박 지역의 49개 마을에서만 연행되는 것이 아니라 많은 다른 지역으로까지 전파됐다.

베트남 박닌의 관호는 2009년에 유네스코 인류무형유산 대표목록에 등재됐다.

이 베트남 북부지역 박닌의 관호 CD에서는 관호 전통 방식으로 부른 노래 가운데 몇 곡을 1996년에 가사와 함께 녹음해 소개한다.

1. **머이 느억** (Mời nước; 차 대접하기)

연행자: 응우옌퐁비엌(Nguyễn Long Biên), 응우옌반번(Nguyễn Văn Bản)
녹음연도: 1996년

베트남 가정에서 손님이 방문하면 집 주인은 차를 대접한다. 좋은 차 한 잔은 집 주인의 애정과 호의를 나타낸다.

2. **머이 쩌우** (Mời trâu; 구장나무 열매와 잎 대접하기)

연행자: 응우옌티상(Nguyễn Thi Sang), 응우옌티땀(Nguyễn Thi Thắm)
녹음연도: 1996년

‘머이 쩌우(Mời trâu)’는 ‘머이 느억(Mời nước)’에 대한 응답으로 진행된다. 구장나무 잎과 열매는 남자가 자신을 그리는 마음을 알아줬으면 하는 여자의 소망을 나타낸다.

3. **도이 벤 박 매 쑹 자** (Đôi bên bác mẹ cùng già; 엄마 둘이 나이가 들다)

연행자: 레퀸(Lê Cận), 쑤언쯔엥(Xuân Trường)
녹음연도 : 1996년

이 노래는 아인하이 관호(Anh Hai Quan họ)에 사는 남자들이 자신의 여인과 결혼해서 빨리 연로한 부모님을 함께 모시고 싶어 하는 마음을 담은 노래다.

4. **아인 하이 예우 디에우 지우 장** (Anh Hai yêu điệu điệu dang; 고상하고 다정한 하이 씨)

연행자: 응우옌티다이(Nguyễn Thi Đại), 응우옌티사우(Nguyễn Thi Sáu)
녹음연도: 1996년

사랑에 빠지면 남자 버릇이 아무리 나빠도 여자 눈에는 사랑스럽고 멋있게 보인다.

5. **투엔 퉁** (Thuyền thúng; 바구니 배)

연행자: 레퀸(Lê Cận), 쑤언쯔엥(Xuân Trường)
녹음연도: 1996년

이 노래는 연인과 결혼해서 함께 살고 싶어 하는 마음을 표현하기 위해 바구니 배의 형태를 빌린 것이다.

6. **응오이 뜨아 만 투옌** (Ngôi tựa mạn thuyền; 배에 기대어 앉아)

연행자: 응우옌티다이(Nguyễn Thi Đại), 응우옌티사우(Nguyễn Thi Sáu)
녹음연도: 1996년

삶이 아무리 어렵더라도 관호의 여성은 언제나 어려움을 극복하고 늘 사랑하는 사람에게 충실하려고 노력한다는 내용이다.

7. **옹 떠 홍** (Ông tơ hồng; 중매쟁이)

연행자: 응우옌퐁즈아(Nguyễn Công Đũa), 응우옌퐁룻(Nguyễn Công Lưt)
녹음연도: 1996년

중매 신은 두 사람을 짝지어 준다. 결혼하기를 기다리는 내 용이다.

8. **장 자** (Giăng già; 초승달)

연행자: 민 (Minh Phúc), 레응아이(Lê Ngai)
녹음연도: 1996년

매일 밤 울적해지는 여성의 마음을 표현하기 위해 초승달의 형태를 빌리고 있다.

9. **롱 번 더이 쩌** (Lòng vẫn đợi chờ; 일편단심의 기다림)

연행자: 레응아이(Lê Ngai), 민 (Minh Phúc)
녹음연도: 1996년

결혼할 수 없는 상황에서 여성의 일편단심과 두 연인의 우울함을 묘사하고 있다.

10. **병 쿠엥 너 까인 너 응으어어** (Bằng khuôn nhớ cảnh nhớ người; 사람을 그리는 마음과 경치에 취함)

연행자: 레퀸(Lê Cận), 쑤언쯔엥(Xuân Trường)
녹음연도: 1996년

경치는 연인을 그리워하는 남성의 마음으로 표현되곤 한다. 그 남성은 어디를 가든 연인을 늘 그리워한다.

11. **응우엣 각 마이 딘** (Nguyệt gác mái đình; 달빛이 공동체를 비추다)

연행자: 레응아이(Lê Ngai), 민 (Minh Phúc)
녹음연도: 1996년

상사병과 결혼해서 함께 살고 싶어 하는 마음을 표현하고 있다.

12. **남 쑹 남 종** (Năm cung năm giọng; 5음률과 5멜로디)

연행자: 응우옌티다이(Nguyễn Thi Đại), 응우옌티사우(Nguyễn Thi Sáu)
녹음연도: 1996년

연인을 그리워하는 마음과 양쪽이 모두 결혼할 수 없기를 기원하는 마음을 묘사하고 있다.

13.

도이 광 돈 간

(Đôi quang đờn gán; 명예)

연행자: 응우옌티다이(Nguyễn Thị Đại), 응우옌티사우(Nguyễn Thị Sáu)
녹음연도: 1996년

여인이 메고 있는 한 쌍의 명예와 바구니의 형태는 결혼하고자 하는 연인의 마음을 표현하곤 한다. 🎵

Contributors

Co-Production Directors / Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Bình Định, Kwon Huh

Editors / Biên tập
Phạm Minh Hương, Nguyễn Thủy Tiên,
Đặng Hoàng Loan

Introduction / Lời giới thiệu
Phạm Minh Hương

Sound editors / Chính sửa âm thanh
Trần Minh Đức, Trần Hải Đăng

English translation / Dịch tiếng Anh
Hoàng Diệu Thương

Korean translation / Dịch tiếng Hàn Quốc
Jeongeun Park

Layout / Trình bày
Đình Khánh Linh

The Vietnamese Institute for Musicology would like to express our sincere thanks to the International Information and Networking Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region under the auspices of UNESCO (IHCAP) for its assistance in creating this CD.

